

Bản án số: 179/2019/DS-ST

Ngày 27 - 11 - 2019

V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TH, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Cao T1, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Trương Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Kim T trình bày: Trước đây, chị làm chủ hội thì anh T1, chị L có tham gia chơi hội trong các dây hội, cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở ngày 30/6/2016 âm, loại hội 500.000đ, 01 tháng khui 02 lần, dây hội gồm 41 chung, anh T1, chị L tham gia 02 chung. Trong quá trình chơi hội, anh T1, chị L hốt chung thứ nhất vào ngày 15/7/2016 âm với số tiền 14.920.000đ (đã trừ cò 400.000đ). Chung thứ hai hốt ngày 15/10/2016 âm với số

tiền 16.630.000đ (đã trừ cò 400.000đ). Sau khi hốt hui, anh T1, chị L không đóng hui (05 kỳ x 500.000đ) x 02 = 5.000.000đ.

Dây thứ hai: Mở ngày 30/11/2016 âl, loại hui 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hui gồm 37 chung, anh T1, chị L tham gia 02 chung. Trong quá trình chơi hui, anh T1, chị L hốt chung thứ nhất vào ngày 23/9/2017 âl với số tiền 24.960.000đ (đã trừ cò 800.000đ). Chung thứ hai hốt ngày 30/10/2017 âl với số tiền 27.520.000đ (đã trừ cò 800.000đ). Sau khi hốt hui, anh T1, chị L không đóng hui (23 kỳ x 1.000.000đ) x 02 = 46.000.000đ.

Dây thứ ba: Mở ngày 30/8/2017 âl, loại hui 1.000.000đ, 01 tháng khui 02 lần, dây hui gồm 30 chung, anh T1, chị L tham gia 02 chung. Trong quá trình chơi hui, anh T1, chị L hốt chung thứ nhất vào ngày 29/9/2017 âl với số tiền 20.740.000đ (đã trừ cò 700.000đ). Chung thứ hai hốt ngày 30/10/2017 âl với số tiền 20.800.000đ (đã trừ cò 700.000đ). Sau khi hốt hui, anh T1, chị L không đóng hui (24 kỳ x 1.000.000đ) x 02 = 48.000.000đ.

Tổng số tiền hui anh T1, chị L còn nợ chị trong 03 dây hui là 99.000.000đ. Sau đó, anh T1, chị L có trả nhiều lần với số tiền là 6.000.000đ, còn lại 93.000.000đ chưa trả. Nay chị yêu cầu anh T1, chị L trả 93.000.000đ.

Tại phiên tòa:

- Chị Thi giữ nguyên yêu cầu.

- Anh T1 thừa nhận có nợ chị Thi 93.000.000đ tiền hui, anh và chị L đồng ý trả cho chị T 93.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu anh Trần Cao T1, chị Trương Thị L trả tiền nợ hui là vụ kiện tranh chấp hui, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc anh T1, chị L có tham gia chơi hui và còn nợ tiền hui của chị T với số tiền 93.000.000đ là thực tế có xảy ra, việc này được các đương sự thừa nhận tại phiên tòa và biên bản hòa giải của ấp TK, xã TD, huyện ĐD. Nay chị Thi yêu cầu anh T1, chị L trả 93.000.000đ, anh T1 đồng ý, còn chị L không có ý kiến.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T là chủ hui, còn anh T1, chị L là hui viên. Trong quá trình chơi hui, anh T1, chị L sau khi hốt hui không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hui cho chị T. Với vai trò là chủ hui, chị T phải thực hiện nghĩa vụ đóng hui thay của anh T1, chị L đối với các hui viên khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo danh sách hui, người đứng tên chơi hui là anh T1. Tại phiên tòa, anh T1 thừa nhận việc chơi hui để tạo nguồn vốn làm thầu xây dựng, hàng tháng anh có đưa tiền cho chị L phục vụ các công việc chung trong gia đình, lo cho con học. Thời điểm đó, chị L đang sống chung nhà với anh, các lần anh mang tiền về đưa cho chị L thì chị không có ý kiến gì. Nay anh đồng ý cùng chị L trả khoản nợ nêu trên cho chị T. Như vậy, khoản tiền nợ hui nêu trên là khoản nợ chung của anh T1 và chị L được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó anh T1, chị L phải cùng có nghĩa vụ trả cho chị T là phù hợp.

[6] Xét về án phí dân sự: Anh T1 và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $93.000.000đ \times 5\% = 4.650.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T.

1. Buộc anh Trần Cao T1 và chị Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị Nguyễn Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Cao T1 và chị Trương Thị L chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T1, chị L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Nguyễn Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị T 1.162.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009911 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Trần Cao T1 và chị Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.650.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh